BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

680 - 713

Phòng thi: 1
Giảng đường: H3.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tờ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	01	480	5,5	01		lẻ
2	000002	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	01	481	4,3	01		Chẵn
3	000003	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	01	482	4,5	01		lẻ
4	000004	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	01	483	5,8	01		Chẵn
5	000005	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	01	484	6,3	01		lẻ
6	000006	0901010495	Vũ Viết	Bình	10/03/2003	TC9A	01	485	4,8	01		Chẵn
7	000007	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	01	486	4,3	01		Lẻ
8	000008	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	01	687	5,0	01		Chẵn
9	000009	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	01	688	4,8	01		Lẻ
10	000010	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	01	689	4,5	01		Chẵn
11	000011	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	01	690	2,8	01		lẻ
12	000012	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	01	691	4,0	01		chẵn
~~13~~	~~000013~~	~~0901010988~~	~~Nguyễn Đức~~	~~Hiếu~~	~~28/05/2002~~	~~TC9A~~	~~01~~					HP,ĐK
~~14~~	~~000014~~	~~0901010544~~	~~Đặng Quỳnh~~	~~Hoa~~	~~08/10/2003~~	~~TC9A~~	~~01~~					ĐK
15	000015	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	01	692	5,0	01		lẻ
16	000016	0901010777	Hà Vũ	Hưng	13/01/2003	TC9A	01	693	3,3	01		chẵn
17	000017	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	01	694	3,5	01		lẻ
18	000018	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	01	695	5,0	01		Chẵn
19	000019	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	01	696	5,5	01		lẻ
20	000020	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	01	697	3,3	01		chẵn
21	000021	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	01	698	2,5	01		Lẻ
22	000022	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	01	699	2,3	01		chẵn
23	000023	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	01	700	4,0	01		lẻ
24	000024	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	01	701	4,3	01		chẵn
~~25~~	~~000025~~	~~0901010763~~	~~Đào Bích~~	~~Ngọc~~	~~28/05/2002~~	~~TC9A~~	~~01~~					ĐK
26	000026	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	01	702	3,5	01		chẵn
27	000027	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	01	703	3,3	01		lẻ
28	000028	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	01	704	3,8	01		Chẵn
29	000029	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	01	705	4,3	01		lẻ
30	000030	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Sơn	19/08/2003	TC9A	01	706	2,8	01		chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	01	707	2,5	01	Tâm	lẻ
32	000032	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	01	708	4,5	01	Thái	Chẵn
33	000033	0901010153	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2003	TC9A	01	709	5,0	01	Thảo	lẻ
34	000034	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	01	710	1,8	01		chẵn
35	000035	0901010745	Tòng Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	01	711	2,8	01	Thuận	chẵn lẻ
36	000036	0901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	01	712	2,8	01	Trà chẵn	Trà
37	000037	0901010546	Bùi Thị Huyền	Trang	21/05/2003	TC9A	01	713	5,8	01	Trang	Trang lẻ

Số tờ

Tổng số sinh viên dự thi:....34....
Tổng số tờ giấy thi:.....34.....
Tổng số biên bản:....01....

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Thu

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Xiêm

714 - 750

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: H3.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000038	0901010592	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/02/2003	TC9A	01	714	3,5	01	Trúc	chẵn
2	000039	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	01	715	1,5	01	Tùng	lẻ
3	000040	0901010328	Ngô Sinh	Vượng	28/08/2003	TC9A	01	716	2,5	01	Vượng	chẵn
4	000041	0901010128	Vũ Mai	Vy	05/11/2003	TC9A	01	717	2,5	01	Vy	lẻ
5	000042	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	01	718	3,5	01	Yến	Chẵn
6	000043	0810210213	Nguyễn Thu	Phương	30/01/2002	KD8E	02	719	1,3	01	phương	lẻ
7	000044	0810311509	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/11/2002	QT8B	02	720	3,0	02	Quỳnh	Chẵn
8	000045	0810310384	Đoàn Minh	Thu	09/10/2002	QT8B	02	721	2,5	01	Thu	lẻ
9	000046	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	02	722	2,8	01	Mai Anh	Chẵn
10	000047	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	02	723	2,5	01	Anh	lẻ
11	000048	0901010584	Nguyễn Thị Linh	Bình	26/10/2003	TC9B	02	724	3,8	01	Bình	chẵn
12	000049	0901020744	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/03/2003	TC9B	02	725	3,0	01	Diễm	lẻ
13	000050	0901010875	Đàm Phương	Dung	14/08/2003	TC9B	02	726	2,8	01	Dung	chẵn
14	000051	0901010413	Nguyễn Thùy	Dung	15/12/2003	TC9B	02	727	3,0	01	Dung	lẻ
15	000052	0901010158	Nguyễn Hùng	Dũng	09/11/2003	TC9B	02	728	1,3	01	Dũng	chẵn
16	000053	0901010678	Trần Quí	Dương	05/09/2003	TC9B	02	729	5,0	01	Dương	lẻ
17	000054	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	TC9B	02	730	5,5	01	giang	chẵn
18	000055	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	02	731	3,8	01	Hà	lẻ
19	000056	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	TC9B	02	732	6,5	01	Hiền	Chẵn
20	000057	0901010237	Nguyễn Huy	Hiệu	15/09/2003	TC9B	02	734	3,3	01	Hiếu	Lẻ
21	000058	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	02	735	3,5	01	Hương	chẵn
22	000059	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	TC9B	02	736	5,0	01	Hường	lẻ
23	000060	0901010770	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/09/2003	TC9B	02	737	5,0	01	Huyền	Chẵn
24	000061	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	TC9B	02	738	5,0	01	Lan	Lẻ
25	000062	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	02	739	4,0	01	Lân	chẵn
26	000063	0901020148	Nguyễn Đức	Lương	04/08/2003	TC9B	02	740	3,0	01	lương	lẻ
27	000064	0901010603	Đỗ Thị Phương	Nga	11/11/2003	TC9B	02	741	2,8	01	Nga	chẵn
28	000065	0901010267	Trần Bích	Ngọc	06/09/2003	TC9B	02	742	7,5	02	Ngọc	lẻ
29	000066	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	TC9B	02	743	6,5	01	Nhi	Chẵn
30	000067	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	02	744	2,5	01	Nhung	Lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000068	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	02	745	5,8	1	Tâm	chẵn
32	000069	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	02	746	2,5	1	Thái	lẻ
33	000070	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	02	747	1,0	1	Thành	HP chẵn
34	000071	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	02	748	2,8	1	Thảo	lẻ
35	000072	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	02	749	3,3	1	Thảo	chẵn
36	000073	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	02	750	3,0	1	Thư	lẻ
37	000074	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	02	735	2,8	1	Thương	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 37

Tổng số tờ giấy thi: 38

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Bùi Thị Vân

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yến

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

644 - 679

Phòng thi: 3
Giảng đường: H3.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000075	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	02	644	3,5	Lẻ	Tuyết	01
2	000076	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	02	645	4,5	chẵn	Vân	01
3	000077	0810120852	Nguyễn Đức	Anh	15/08/2002	NH8A	03	646	3,0	lẻ		01
4	000078	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	03	647	2,0=0	chẵn		01 BB-10%
5	000079	0901010897	Ngô Thị Lan	Anh	27/12/2003	NH9A	03	648	4,5	lẻ	Anh	01
6	000080	0901070787	Đỗ Ngọc	Ánh	07/04/2003	NH9A	03	649	3,8	chẵn	Ánh	01
7	000081	0901010358	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/12/2003	NH9A	03	650	4,0	lẻ		01
8	000082	0901010347	Dương Gia	Bảo	11/11/2003	NH9A	03	651	4,8	chẵn		01
9	000083	0901010423	Đỗ Linh	Chi	31/10/2003	NH9A	03	652	3,3	lẻ	Chi	01
10	000084	0901010123	Ngô Thành	Đạt	18/11/2003	NH9A	03	653	4,8	chẵn		01
11	000085	0901010372	Ma Văn	Đức	24/07/2003	NH9A	03	654	4,0	Lẻ	Đức	01
12	000086	0901010915	Tạ Thị Thùy	Dung	21/12/2003	NH9A	03	655	5,3	chẵn	Dung	01
13	000087	0901010203	Trần Ngọc	Dung	19/08/2003	NH9A	03	656	2,5	lẻ	Dung	01
14	000088	0901010312	Bùi Trung	Dũng	19/12/2003	NH9A	03	657	3,3=0	chẵn	Dũng	01 BB-10%
15	000089	0901020104	Nông Thái	Dương	11/11/2003	NH9A	03	658	4,0	lẻ	Dương	01
16	000090	0901010127	Cao Lâm	Duy	02/03/2000	NH9A	03	659	6,5	Chẵn		01
17	000091	0901010493	Hoàng Thị	Duyên	26/11/2003	NH9A	03	660	4,0	lẻ	Duyên	01
18	000092	0901010647	Lê Trường	Giang	25/08/2002	NH9A	03	661	4,5	chẵn	Giang	01
19	000093	0901010390	Nguyễn Minh	Hạnh	04/11/2003	NH9A	03	662	3,5	lẻ	Hạnh	01
20	000094	0901010937	Khương Minh	Hiền	29/11/2003	NH9A	03	663	5,5	chẵn	Hiền	01
21	000095	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	03	664	5,5	lẻ	Hiền	01
22	000096	0901010882	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/08/2003	NH9A	03	665	5,0	chẵn	Hiền	01
23	000097	0901010169	Nguyễn Đức	Hiếu	09/07/2003	NH9A	03	666	4,0	Lẻ	Hiếu	01
24	000098	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	03	667	5,0	chẵn	Hoà	01
25	000099	0901010903	Nguyễn Việt	Hoàng	29/10/2003	NH9A	03	668	5,5	lẻ	Hoàng	01
26	000100	0901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	NH9A	03	669	5,8	chẵn	Hoàng	HP/đã nộp
27	000101	0901010725	Phạm Thị Thu	Huế	05/01/2003	NH9A	03	670	4,8	lẻ	Huế	01
28	000102	0901010611	Bùi Quốc	Huy	19/11/2003	NH9A	03	671	3,8	chẵn	Huy	01
29	000103	0901010147	Đoàn Thị	Huyền	18/07/1998	NH9A	03	672	2,0	lẻ	Huyền	01
30	000104	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	03	673	3,3	Chẵn	Khoa	01

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000105	0901010314	Nguyễn Khánh	Linh	06/12/2003	NH9A	03	674	4,5	lẻ	Linh	01
32	000106	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	03	675	4,8	chẵn	Long	01
33	000107	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	03	676	2,3	lẻ	M	01
34	000108	0901010134	Tống Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	03	677	2,3	chẵn	Minh	01
35	000109	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	03	678	2,8	Lẻ	Minh	01
36	000110	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	03	679	6,0	Chẵn	Ngọc	01

Tổng số sinh viên dự thi:....36....
Tổng số tờ giấy thi:....36....
Tổng số biên bản:....02....

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Trần Ngọc Lan

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Chung

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

501 - 535

Phòng thi: 4
Giảng đường: H3.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề (Số tờ)	Ký nộp	Ghi chú
1	000111	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	03	501	3,0	1	Nhật	lẻ
2	000112	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyển	Nhi	28/12/2003	NH9A	03	502	4,0	1	Nhi	chẵn
3	000113	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	03	503	3,3	1	Phú	lẻ
4	000114	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	03	504	2,5	1	Phúc	chẵn
5	000115	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	03	505	2,5	1	Sửa	lẻ
6	000116	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	03	506	4,5	1	Quỳnh	chẵn
7	000117	0901010227	Nguyễn Hồng	Sơn	01/09/2003	NH9A	03	507	2,5	1	Sơn	lẻ
8	000118	0901010398	Vũ Hồng	Sơn	01/07/2003	NH9A	03	508	2,0	1	Sơn	Chẵn.
9	000119	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	03	509	1,5	1	Thái	lẻ
10	000120	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	03	510	1,3	1	Thái	chẵn
11	000121	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	03	511	3,5	1	Thảo	Lẻ
12	000122	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	03	512	2,3	1	Thiên	Chẵn
13	000123	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	03	513	3,5	1	Thương	Lẻ
14	000124	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	03	514	3,0	1	Trang	Chẵn
15	000125	0901011003	Nguyễn Thu	Trang		NH9A	03	515	1,3	1	Trang	Lẻ
~~16~~	~~000126~~	~~0901030111~~	~~Hoàng Minh~~	~~Trí~~	~~28/12/2003~~	~~NH9A~~	~~03~~					
17	000127	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	03	516	4,0	1	Tuyền	Lẻ
18	000128	0901010717	Quàng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	03	517	Hết	1	Ước	chẵn
19	000129	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	03	518	2,8	1	Vân	lẻ
20	000130	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	03	519	2,5	1	Việt	chẵn
21	000131	0901010536	Bàn Thị	Vững	17/10/2003	NH9A	03	520	2,5	1	Vững	lẻ
22	000132	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	03	521	2,3	1	Xuân	chẵn
23	000133	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	04	522	2,0	1	Anh	lẻ
24	000134	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	04	523	2,0	1	Anh	chẵn
25	000135	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	04	524	3,8	1	Anh	Lẻ
26	000136	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	04	525	2,8	1	Cường	Chẵn
27	000137	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	04	526	3,5	1	Đại	Lẻ
28	000138	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	04	527	3,3	1	Diệp	Chẵn
29	000139	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	04	528	2,5	1	Đức	Lẻ
30	000140	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	04	529	2,5	1	Hằng	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000141	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	04	530	1,8		Hào	Lẻ
32	000142	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	04	531	5,3		Hiền	Chẵn
33	000143	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	04	532	1,5		Hoa	Lẻ
34	000144	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	04	533	3,8		Hoàng	Chẵn
35	000145	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	04	534	3,5	1	Huệ	Lẻ
36	000146	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	04	535	6,5	1+2	Hùng	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:……35……

Tổng số tờ giấy thi:……35……

Tổng số biên bản:……0……

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Kim Dung

Cán bộ coi thi 2

Phan Thuý Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

608 - 643

Phòng thi: 5
Giảng đường: H4.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000147	0901030586	Nguyễn Duy	Hưng	27/01/2003	QT9B	04	608	3,8	1	Hưng	lẻ
2	000148	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	04	609	3,5	1	Hường	Chẵn
3	000149	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	04	610	3,3	1	Huy	Lẻ
4	000150	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	04	611	5,3	02	Huyền	chẵn
5	000151	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	04	612	2,3	1	Kiệt	lẻ
6	000152	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	04	613	1,3	1	Lan	Chẵn
7	000153	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	04	614	3,0	1	Linh	lẻ
8	000154	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	04	615	3,3	1	Linh	chẵn
9	000155	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	04	616	2,5	1	Linh	Lẻ Linh
10	000156	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	04	617	3,0	1	Linh	chẵn
11	000157	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	04	618	4,0	1	Lương	lẻ
12	000158	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	04	619	4,8	1	Mạnh	chẵn
13	000159	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	04	620	4,3	1	Ngân	lẻ
14	000160	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	04	621	1,3	2	Ngọc	chẵn
15	000161	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	04	622	5,0	1	Ngọc	Lẻ
16	000162	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	04	623	4,0	1	Nhung	chẵn
17	000163	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	04	624	2,3	1	Phương	lẻ
18	000164	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	04	625	4,0	1	Phương	chẵn
19	000165	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	04	626	2,0	1	Quân	lẻ
20	000166	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	04	627	2,5	1	Quân	Chẵn
21	000167	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	04	628	2,0	1	Tài	lẻ
22	000168	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	04	629	2,3	1	Thạch	Chẵn
23	000169	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	04	630	2,0	1	Thành	lẻ
24	000170	0901030212	Trương Viết	Thành	13/09/2002	QT9B	04	631	3,5	1	Thành	chẵn
25	000171	0901030275	Bùi Thị Hương	Thơm	10/02/2003	QT9B	04	632	4,8	1	Thơm	lẻ
26	000172	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	04	633	1,8	1	Thuận	chẵn
27	000173	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	04	634	2,3	1	Trang	Lẻ
28	000174	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	04	635	3,0	1	Trang	chẵn
29	000175	0901030479	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/05/2003	QT9B	04	636	3,3	1	Trang	Lẻ
30	000176	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	04	637	1,5	1	Trang	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000177	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	04	638	2,0	1	Trang	lẻ
32	000178	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	04	639	2,0	1	Trường	chẵn
33	000179	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	04	640	1,3	1	Tuấn	lẻ
34	000180	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	04	641	1,3	1	Việt	chẵn
35	000181	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	04	642	1,5	1	Vương	lẻ
36	000182	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	04	643	3,8	1 chẵn	Ý	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 36

Tổng số tờ giấy thi: 38

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Trần Thị Thanh Vân

Cán bộ coi thi 2

Lê Hồng Kỳ

466 – 500

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6
Giảng đường: H4.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000183	0810310702	Phan Đình	Minh	21/04/2002	QT3B	05	466	4,5	1		HP Lẻ
2	000184	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	05	467	2,0	1	Anh	Chẵn
3	000185	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	05	468	4,5	1	Anh	lẻ
4	000186	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	05	469	3,3	1	Anh	Chẵn
5	000187	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	05	470	2,3	1	Bình	lẻ
6	000188	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	05	471	2,3	1	Đạt	chẵn
7	000189	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	05	472	4,3	1	Dương	lẻ
8	000190	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	05	473	2,8	1	Duyên	chẵn
9	000191	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	05	474	4,8	1	Hạnh	lẻ
10	000192	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	05	475	3,5	1	Hiền	chẵn
11	000193	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	05	476	4,8	1	Hiếu	Lẻ
x 12	000194	~~0901030715~~	~~Đào Quốc~~	~~Hiệu~~	~~01/10/2003~~	~~QT9A~~	~~05~~					HP Vắng
13	000195	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	05	477	4,5	1	Khiêm	lẻ
14	000196	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	05	478	3,0	1	Kiên	chẵn
15	000197	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	05	479	5,0	1	Lập	lẻ
16	000198	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	05	480	2,3	1	Linh	chẵn
17	000199	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	05	481	3,3	1	Linh	lẻ
18	000200	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	05	482	1,3	1	Ly	chẵn
19	000201	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	05	483	3,0	1	Nghĩa	Lẻ
20	000202	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	05	484	4,3	1	Ngọc	chẵn
21	000203	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	05	485	2,5	1	Nguyệt	lẻ
22	000204	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	05	486	3,0	1	Nhung	Chẵn
23	000205	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	05	487	4,3	1	Nhung	lẻ
24	000206	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	05	488	2,8	1	Nhung	chẵn
25	000207	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	05	489	1,5	1	Oanh	lẻ
26	000208	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	05	490	3,8	1	phương	chẵn
27	000209	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	05	491	3,5	1	Quân	lẻ
28	000210	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	05	492	4,3	1	Thắng	chẵn
29	000211	0901030518	Đỗ Vân	Thanh	29/03/2003	QT9A	05	493	6,0	1	Thanh	lẻ
30	000212	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	05	494	2,3	1	Tiến	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000213	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	05	495	3,5	1	Trang	Lê
32	000214	0901031001	Nguyễn Kiều	Trang	02/11/2003	QT9A	05	496	2,8	1	Trang	Chấm
33	000215	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	05	497	2,5	1	Trang	Lê
34	000216	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	05	498	2,0	1	Vy	Chấm
35	000217	0810211790	Nguyễn Văn	Minh	12/09/2002	KD8D	06	499	4,3	1	Minh	Lê
36	000218	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	06	500	5,0	1	Anh	Chấm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Ngọt

Cán bộ coi thi 2

Hồ Ngọc Hà

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

573_607

Phòng thi: 7
Giảng đường: H4.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000219	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	06	573	7,5	01	Ánh	Lẻ
2	000220	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	06	574	8,0	01	Đạt	Chẵn
3	000221	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	06	575	4,0	01	Dương	Lẻ
4	000222	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	06	576	2,8	01	Giang	chẵn
5	000223	0901030823	Bùi Thị	Hảo	15/08/2003	QT9C	06	577	2,8	01	Hảo	lẻ
6	000224	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	06	578	Không	01	Hiền	chẵn
7	000225	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	06	579	Không	01	Hòa	lẻ BB
8	000226	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	06	580	2,5	01	Hoàng	chẵn
9	000227	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	06	581	Không	01	Hội	lẻ BB
10	000228	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	06	582	2,8	02	Hùng	Chẵn
11	000229	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	06	583	Không	01	Hùng	Lẻ BB
12	000230	0901030181	Lê Tuấn	Hưng	17/05/2003	QT9C	06	584	2,5	01	Hưng	Chẵn
13	000231	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	06	585	2,0	01	Hương	lẻ
14	000232	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	06	586	1,8	01	Khải	chẵn
15	000233	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	06	587	2,0	01	Kiên	lẻ
16	000234	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	06	588	Không	01	Lâm	HP chẵn
17	000235	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	06	589	5,3	01	Linh	lẻ
18	000236	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	06					Vắng
19	000237	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	06	590	3,8	01	Lương	lẻ
20	000238	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	06	591	1,5	01	Minh	chẵn
21	000239	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	06	592	Không	01	Ngọc	Lẻ BB
22	000240	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	06	593	2,5	01	Ngọc	Chẵn
23	000241	0901030377	Đỗ Thị	Nhàn	08/12/2003	QT9C	06	594	3,5	01	Nhàn	Lẻ
24	000242	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	06	595	3,3	01	Như	chẵn
25	000243	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	06	596	Không	01	Nhung	lẻ BB
26	000244	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	06	597	Không	01	Phương	chẵn BB
27	000245	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	06	598	2,8	01	Sinh	lẻ
28	000246	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	06	599	1,8	01	Tâm	chẵn
29	000247	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	06	600	3,0	01	Thành	Lẻ
30	000248	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	06	601	3,0	01	Thảo	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000249	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	06	602	1,3	01	Thảo	lẻ.
32	000250	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	06	603	1,5	01	Thuận	chẵn
33	000251	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	06	604	4,5	01	Trà	lẻ
34	000252	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	06	605	3,0	01	Trang	chẵn
35	000253	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	06	606	4,0	01	Trúc	lẻ.
36	000254	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	06	607	3,0	01	Tùng	chẵn.

Tổng số sinh viên dự thi:.....35.....
Tổng số tờ giấy thi:.....35.....
Tổng số biên bản:.....1.....

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Phạm Thị Mai Huyền

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

751 - 786

Phòng thi: 8
Giảng đường: H4.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tờ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000255	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	06	751	5,0	01	Uyển	Lẻ
2	000256	0901030322	Đào Phương	Anh	17/02/2003	QM9A	07	752	2,5	01	Anh	Chẵn
3	000257	0901030048	Lê Hoàng	Anh	15/06/2003	QM9A	07	753	4,0	01	Anh	lẻ
4	000258	0901030871	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/09/2003	QM9A	07	754	4,5	01	Anh	chẵn
5	000259	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	07	755	5,0	01	Anh	Lẻ
6	000260	0901030896	Trần Ngọc	Anh	18/11/2003	QM9A	07	756	3,5	01	Anh	chẵn
7	000261	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	QM9A	07	757	6,5	01	Bách	Lẻ
8	000262	0901030436	Phạm Minh	Châu	28/11/2003	QM9A	07	758	4,8	01	Châu	Chẵn
9	000263	0901030470	Nguyễn Thúy	Dung	03/12/2003	QM9A	07	759	4,5	01	Dung	lẻ
10	000264	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	07	760	2,5	01	Dương	chẵn
11	000265	0901030475	Nguyễn Ngọc	Duyên	19/11/2003	QM9A	07	761	2,8	01	Duyên	Lẻ
12	000266	0901030410	Lê Mạnh	Hào	15/09/2003	QM9A	07	762	3,8	01	Hào	Chẵn
13	000267	0901030682	Đặng Văn	Hiệp	21/06/2003	QM9A	07	763	4,5	01	Hiệp	Lẻ
14	000268	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	QM9A	07	764	5,25	01	Huệ	chẵn
15	000269	0901030765	Đinh Trọng	Khang	08/10/2003	QM9A	07	765	2,3	01	Khang	lẻ
16	000270	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	07	766	3,0	01	Kiều	Chẵn
17	000271	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	07	767	3,5	01	Lam	lẻ
18	000272	0901040602	Trịnh Nguyễn Thanh	Lâm	28/07/2003	QM9A	07	768	3,5	01	Lâm	chẵn
19	000273	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	07	769	3,8	01	Linh	lẻ
20	000274	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	07	770	5,5	01	Ly	chẵn
21	000275	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	07	771	4,3	01	Mạnh	lẻ
22	000276	0901030054	Đậu Trà	Mi	17/11/2003	QM9A	07	772	4,0	01	Mi	chẵn
23	000277	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	07	773	3,5	01	Nga	Lẻ
24	000278	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	07	774	5,5	01	Ngọc	Chẵn
25	000279	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	07	775	4,3	01	Ngọc	lẻ
26	000280	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	07	776	5,0	01	Nhung	chẵn
27	000281	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	07	777	3,3	01	Quân	lẻ
28	000282	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	07	778	4,5	01	Tâm	chẵn
29	000283	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	07	779	4,8	01	Thanh	lẻ
30	000284	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	07	780	4,5	01	Thảo	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000285	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	07	781	5,3	01		Lê
32	000286	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	07	782	3,0	01		chấn
33	000287	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	07	783	4,5	01		Lê
34	000288	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	07	784	4,3	01		Chấn
35	000289	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	07	785	6,0	01		Lê
36	000290	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	07	781	3,0	01		chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 36

Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Đỗ Thị Liên

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thúy

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

536 - 572

Phòng thi: 9
Giảng đường: B7_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tờ Chẵn/lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000291	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	08	536	4,0	01	Quỳnh	lẻ
2	000292	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	08	537	4,5	1	N. Anh	chẵn
3	000293	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	08	538	3,0	01	T Anh	lẻ
4	000294	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	08	539	4,5	1	Bích	chẵn
5	000295	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	08	540	3,5	02	Diệu	lẻ
6	000296	0901030710	Lê Thuỳ	Dương	24/07/2003	QM9B	08	541	4,8	1	Dương	chẵn
7	000297	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	08	542	3,0	1	Duy	lẻ
8	000298	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	08	543	2,8	1	Hải	chẵn
9	000299	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	08	544	3,8	01	Hiền	lẻ
10	000300	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	08	545	5,0	02	Hiếu	chẵn
11	000301	0901030759	Nguyễn Thị	Huế	30/09/2003	QM9B	08	546	4,0	1	Huế	lẻ
12	000302	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	08	547	4,0	1	Hường	chẵn
13	000303	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	08	548	4,0	1		lẻ
14	000304	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	08	549	5,0	02	Khôi	chẵn
15	000305	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	08	550	3,3	1	Kỳ	lẻ
16	000306	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	08	551	2,5	1	Lan	chẵn
17	000307	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	08	552	2,5	1	Linh	lẻ
18	000308	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	08	553	5,0	1	Loan	chẵn
19	000309	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	08	554	3,0	1	Ly	lẻ
20	000310	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	08	555	3,3	1	Mai	chẵn
21	000311	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	08	556	3,0	1		lẻ
22	000312	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	08	557	3,8	01	Nga	chẵn
23	000313	0901030957	Ưng Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	08	558	2,0	1	Ngọc	lẻ
24	000314	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	08	559	5,8	1	Nguyệt	chẵn
25	000315	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	08	560	4,0	1	Oanh	lẻ
26	000316	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	08	561	2,0	1	Phúc	chẵn
27	000317	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	08	562	5,5	01	Quỳnh	lẻ
28	000318	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	08	563	2,5	1	Sáng	chẵn
29	000319	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	08	564	5,0	1	Thái	lẻ
30	000320	0901030350	Tống Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	08	565	4,8	1	Thành	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000321	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	08	566	3,8	01	Thảo	Lẻ
32	000322	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	08	567	4,5	1	Trang	chẵn
33	000323	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	08	568	3,5-10% = không	1	Trang	lẻ
34	000324	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	08	569	4,0	01	Trang	Chẵn
35	000325	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	08	570	3,5	01	Trang	lẻ
36	000814	901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	01	571	2,0	01	Duy	chẵn
37	000815	810310879	Trần Thu	Huệ	25-09-2002	QT8A	02	572	2,5-10% = không	1	Huệ	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:...37...

Tổng số tờ giấy thi:...40.....

Tổng số biên bản:..03.....

Ngày 20 *tháng* 12 *năm* 2023

Cán bộ coi thi 1

Quách Thị Thu Huyền.

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Phương